

Số: /KH-UBND

Nam Đàn, ngày tháng 3 năm 2026

KẾ HOẠCH

Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 18/7/2023 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.
- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Nghị quyết 193/2025/QH15 ngày 19/2/2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.
- Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57- NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện.
- Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị.
- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;
- Quyết định số 411/QĐ-TTg, ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
- Căn cứ Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2026 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026;
- Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025 về việc phê duyệt Chương trình phát triển Chính phủ số giai đoạn 2025-2030, định hướng đến năm 2035;
- Nghị quyết số 09-NQ/TU, ngày 05/8/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Nghệ An đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; - Kế hoạch hành động số 328-KH/TU, ngày 24/04/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá

phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

- Kế hoạch số 331-KH/TU ngày 28/4/2025 của BTV Tỉnh ủy về tổng thể triển khai thực hiện chuyển đổi số trong các cơ quan đảng tỉnh Nghệ An, giai đoạn 2025-2030;

- Kế hoạch 348/KH-UBND ngày 14/5/2025 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết 71/NQ-CP và Kế hoạch hành động 328-KH/TU thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

- Quyết định số 3050/QĐ-UBND ngày 12/11/2024 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án chuyển đổi số tỉnh Nghệ An đến năm 2030;

- Công văn số 5511/BKHCN-CĐSVN ngày 10/10/2025 của Bộ Khoa học và Công Nghệ về việc hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2026.

- Kế hoạch số 474/KH-UBND, ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Nghệ An về chuyển đổi số tỉnh Nghệ An năm 2026.

- Công văn số 580/SKHCN-CĐS, ngày 27/3/2026 về việc cụ thể hóa chỉ tiêu, nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Thống nhất nhận thức và hành động trong toàn hệ thống chính trị về tầm quan trọng của nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06. Xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt, có tính chất đột phá, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh của tỉnh trong giai đoạn mới.

- Tổ chức triển khai đồng bộ, toàn diện các giải pháp để thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06, gắn liền với thực tiễn mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương. Ứng dụng mạnh mẽ các thành tựu công nghệ mới, nhất là công nghệ số, nhằm nâng cao năng suất lao động, cải thiện chất lượng sản phẩm, dịch vụ và hiệu quả quản lý nhà nước.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại, công khai, minh bạch; từng bước chuyển từ quản lý thủ công sang quản lý trên nền tảng dữ liệu số, nâng cao năng lực điều hành và hiệu quả hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước, với mục tiêu lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm.

- Đảm bảo tiến độ, chất lượng và hiệu quả các nội dung, nhiệm vụ được đề ra tại Kế hoạch này.

2. Yêu cầu

- Bám sát chỉ đạo của Chính phủ, các Bộ, Ngành Trung ương; Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban chỉ đạo; Địa phương giữ vững quyết tâm chính trị, khắc phục khó khăn,

vướng mắc, “điểm nghẽn”, tập trung toàn lực triển khai các giải pháp, nhiệm vụ trọng tâm từ nay đến cuối năm 2026.

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm và sự tham gia tích cực, gương mẫu của mỗi cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức, người dân và doanh nghiệp đối với việc triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06; có giám sát, kiểm tra, đánh giá, báo cáo, kịp thời phát hiện khó khăn, vướng mắc để tháo gỡ hoặc khen thưởng các tập thể, cá nhân thực hiện tốt, xử lý nghiêm những trường hợp thiếu trách nhiệm, chậm trễ, để xảy ra sai sót (nếu có).

- Kế hoạch phải cụ thể hóa từng nhiệm vụ, trong đó xác định rõ về mục tiêu, nhiệm vụ/giải pháp, kết quả/sản phẩm, trách nhiệm chủ trì, phối hợp của từng cơ quan, đơn vị và tiến độ thực hiện; đảm bảo việc tham mưu, triển khai, thực hiện các nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06 đồng bộ, chất lượng, hiệu quả, đạt mục đích đề ra.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Tổ chức triển khai quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ của các cấp về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, bảo đảm thống nhất trong nhận thức và hành động.

- Chuyển từ giai đoạn “khởi động, chuẩn bị” sang giai đoạn “hành động, đột phá”, tập trung tạo ra những kết quả thực chất, có thể đo lường. Ưu tiên tháo gỡ các điểm nghẽn về thể chế, hạ tầng và dữ liệu; đẩy nhanh tiến độ triển khai các nhiệm vụ trọng tâm nhằm tạo chuyển biến rõ nét trong phát triển kinh tế - xã hội của xã năm 2026.

- Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực then chốt cho tăng trưởng, góp phần nâng tốc độ tăng trưởng GRDP của địa phương đạt từ 10% trở lên; đồng thời nâng cao năng suất lao động, cải thiện năng lực cạnh tranh, các chỉ số PCI, PAPI và các chỉ số khác.

- Xác định dữ liệu là một trong các nguồn lực chiến lược, tập trung hoàn thiện hạ tầng số và hệ thống dữ liệu dùng chung; thúc đẩy kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương hướng tới mục tiêu phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng thuận tiện, minh bạch, hiệu quả.

- Xây dựng lộ trình triển khai cụ thể, xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm theo phương châm “rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thời hạn, rõ kết quả, rõ thẩm quyền, rõ nguồn lực”; làm cơ sở để huy động nguồn lực, phân bổ kinh phí và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị nhất là người đứng đầu.

2. Mục tiêu cụ thể

Phụ lục 01 kèm theo

IV. NHIỆM VỤ

1. Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, quyết tâm chính trị cao, hành động quyết liệt, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Xây dựng các chuyên đề, chuyên trang, chuyên mục giới thiệu, tuyên truyền và thường xuyên phản ánh, xóm, tổ tự quản tuyên truyền, tôn vinh những tổ chức, cá nhân tiêu biểu, điển hình trong các hoạt động phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đóng góp thiết thực cho sự phát triển của xã

- Xây dựng chương trình, kế hoạch phát động và triển khai sâu rộng phong trào "học tập số"; phổ cập, nâng cao kiến thức khoa học, công nghệ, kiến thức số trong cán bộ, công chức và nhân dân. Tổ chức khai thác các nền tảng đào tạo trực tuyến mở đại trà cho cán bộ, công chức và nhân dân, doanh nghiệp để cung cấp miễn phí các kiến thức về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo kiến thức, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản cho người dân, doanh nghiệp. Quy định trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trực tiếp phụ trách, lãnh đạo, chỉ đạo triển khai nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Tổ chức thực hiện đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi số trong các ban, ngành, đoàn thể, người đứng đầu và cán bộ, công chức, viên chức trên toàn xã. Xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản phục vụ chuyển đổi số quốc gia. Phát động phong trào thi đua để phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của doanh nghiệp và Nhân dân thực hiện thành công cuộc cách mạng chuyển đổi số.

- Tổng hợp, lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số, phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo vào trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm của xã.

- Bố trí tỉ lệ phù hợp cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo các phòng, ban, ngành, đoàn thể.

- Nâng cao chất lượng và tổ chức hội nghị Sáng tạo Khoa học - Công nghệ và Kỹ thuật tại xã; khuyến khích cán bộ, công chức và người dân trên địa bàn xã tham gia.

2. Thể chế số

- Tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật, chủ trương, chính sách của Trung ương, của tỉnh về Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06; chủ động rà soát việc thực hiện các quy định liên quan đến Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06 trong phạm

vi chức năng, nhiệm vụ của UBND xã; tổng hợp các khó khăn, vướng mắc, kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn.

- Thực hiện áp dụng, khai thác các kiến trúc, nền tảng, hệ thống thông tin dùng chung do Trung ương, tỉnh triển khai; bảo đảm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số tại UBND xã tuân thủ Khung kiến trúc Chính quyền số quốc gia, Kiến trúc Chính quyền số tỉnh Nghệ An và các quy định, hướng dẫn có liên quan.

- Rà soát, đề xuất UBND tỉnh các giải pháp, cơ chế hỗ trợ nhằm nâng cao hiệu quả phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06 ở cấp xã, tập trung vào các nội dung như: đầu tư, nâng cấp hạ tầng số; trang bị thiết bị công nghệ thông tin; đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực số; cải cách thủ tục hành chính; nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến và các tiện ích số phục vụ người dân trên địa bàn.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06 năm 2026 của UBND xã Nam Đàn và các nhiệm vụ, nội dung gắn với từng lĩnh vực quản lý của xã (kinh tế, văn hóa – xã hội...), bảo đảm tính khả thi, rõ mục tiêu, kết quả, tiến độ và phù hợp với nguồn lực được giao.

3. Hạ tầng số

3.1. Hạ tầng viễn thông và internet

Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch phát triển hạ tầng số giai đoạn 2026-2030 xã Nam Đàn với các nhiệm vụ trọng tâm sau:

a) Hạ tầng di động:

- Phối hợp với các cơ quan chuyên môn và doanh nghiệp viễn thông tổ chức rà soát, phản ánh kịp thời các khu vực trên địa bàn xã còn hạn chế về chất lượng sóng thông tin di động, Internet (nếu có), đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ.

- Phối hợp triển khai các chương trình, kế hoạch phát triển hạ tầng viễn thông công ích do Trung ương, tỉnh, tổ chức nhằm mở rộng vùng phủ sóng, nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ viễn thông cho người dân trên địa bàn xã.

- Hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp viễn thông trong việc đầu tư, nâng cấp trạm thu phát sóng thông tin di động trên địa bàn xã theo quy định; bảo đảm thông tin liên lạc thông suốt, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn.

- Phối hợp với cơ quan chức năng và doanh nghiệp viễn thông trong việc sử dụng, khai thác các giải pháp thông tin liên lạc dự phòng (khi có) để bảo đảm thông tin thông suốt trong các tình huống thiên tai, sự cố.

b) Hạ tầng cố định

- Thúc đẩy phát triển và sử dụng internet cáp quang băng rộng ở khu vực nông thôn; nâng băng thông mạng bảo đảm người dân được tiếp cận dịch vụ internet cáp quang băng thông đến 01 Gbps.

- Hoàn thành xây dựng và triển khai kế hoạch ngầm hóa, chỉnh trang mạng cáp viễn thông bảo đảm thẩm mỹ và vững chắc trước các tình huống thiên tai.

3.2. Hạ tầng số cơ quan nhà nước trong hệ thống chính trị

a) Mạng truyền số liệu chuyên dùng

Duy trì và nâng cấp mạng truyền số liệu chuyên dùng bảo đảm kết nối, liên thông, đồng bộ, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước trong hệ thống chính trị.

b) Xây dựng, nâng cấp hạ tầng mạng nội bộ:

Xây dựng, nâng cấp hạ tầng mạng nội bộ (mạng LAN, thiết bị ngoại vi, thiết bị IoT, thiết bị bảo mật, cơ sở vật chất CNTT/chuyên đổi số phục vụ nghiệp vụ...); bảo đảm kết nối an toàn, đúng quy định.

- Xây dựng hạ tầng ICT cấp xã đáp ứng Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số gồm: Mạng nội bộ, mạng truyền số liệu chuyên dùng, hệ thống wifi công cộng, hệ thống Internet vạn vật, hệ thống bảng điện tử công cộng, hệ thống camera an ninh, hệ thống truyền thanh thông minh và hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến.

- Kết nối các hệ thống hạ tầng số dùng chung theo mô hình và hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

3.3. Hạ tầng vật lý - số

Lập danh mục ưu tiên và triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như giao thông, năng lượng, điện, nước, y tế, giáo dục, nông nghiệp, du lịch, đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, phòng chống thiên tai... để chuyển đổi thành một bộ phận cấu thành quan trọng của hạ tầng số, tạo nền móng xây dựng xã thông minh.

3.4. Hạ tầng tiện ích số

- Phát triển, ứng dụng hạ tầng tiện ích số và công nghệ số như dịch vụ, trọng tâm là các nền tảng: định danh số, xác thực số, thanh toán số, hóa đơn số, tích hợp, chia sẻ dữ liệu, xác thực văn bản số, chữ ký số và chứng thực chữ ký số.

- Khuyến khích các tổ chức, cá nhân cài đặt và sử dụng các tiện ích số do nhà nước phát triển, như VNeID, E-Tax Mobile, phần mềm hóa đơn điện tử... Cán bộ, công chức, viên chức tiên phong, gương mẫu trong sử dụng các nền tảng số do nhà nước phát triển.

- Thường xuyên nâng cao kỹ năng và sử dụng an toàn các nền tảng số do tổ chức, cá nhân trong nước phát triển và các nền tảng số xuyên biên giới.

4. Nhân lực số

- Bảo đảm 100% cán bộ, công chức xã Nam Đàn được cập nhật kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số, chính quyền số và an toàn thông tin thông qua các chương trình đào tạo, tập huấn, hướng dẫn do Trung ương và tỉnh tổ chức (trực tiếp hoặc trực tuyến); khuyến khích cán bộ, công chức tự học, tự bồi dưỡng nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ số trong thực thi công vụ.

- Phân công cán bộ, công chức kiêm nhiệm làm đầu mối tham mưu, triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số tại UBND xã; đối với cán bộ được giao phụ trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số, yêu cầu tham gia tối thiểu một khóa đào tạo, bồi dưỡng nâng cao về công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong năm.

- Phối hợp với các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, các cơ sở giáo dục trên địa bàn (trường học, trung tâm giáo dục thường xuyên...) trong việc hỗ trợ chuyên môn, tư vấn, hướng dẫn về công nghệ thông tin, chuyển đổi số cho cán bộ, công chức xã khi có yêu cầu; tiếp nhận, khai thác hiệu quả các nguồn hỗ trợ, tăng cường năng lực cho đội ngũ làm công tác chuyển đổi số ở cơ sở.

- Tiếp tục triển khai sâu rộng phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn xã; phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng tại các thôn trong việc tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, định danh điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt và các tiện ích số thiết yếu.

- Yêu cầu 100% cán bộ, công chức xã tham gia và hoàn thành các nội dung học tập liên quan đến chuyển đổi số trên nền tảng <https://binhdanhocvuso.gov.vn> theo hướng dẫn của cấp trên; kết quả tham gia học tập được sử dụng làm căn cứ đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm.

- Phối hợp với các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh trong việc cung cấp, cập nhật thông tin phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu về nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo hướng dẫn; thực hiện việc cung cấp thông tin, dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của xã khi được yêu cầu.

- Phối hợp với các trường học trên địa bàn xã triển khai hiệu quả việc giảng dạy tin học, giáo dục STEM/STEAM theo chương trình giáo dục phổ thông, góp phần hình thành kỹ năng số cơ bản, tư duy công nghệ và định hướng nghề nghiệp cho học sinh.

- Khuyến khích các cơ sở giáo dục, đào tạo nghề (nếu có) và các tổ chức liên quan trên địa bàn xã lồng ghép nội dung kỹ năng số, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

5. Phát triển dữ liệu số

- Phối hợp chặt chẽ với lực lượng Công an xã và các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh trong việc triển khai thực hiện Đề án 06 của Chính phủ trên địa bàn xã Nam Đàn; khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công và công tác quản lý nhà nước theo đúng quy định của pháp luật.

- Tổ chức rà soát hiện trạng việc tạo lập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của UBND xã; thực hiện cập nhật, bổ sung, chỉnh sửa dữ liệu các lĩnh vực như: hộ tịch, địa chính, xây dựng, văn hóa – xã hội... bảo đảm đầy đủ, chính xác, kịp thời.

- Thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định; ưu tiên số hóa các hồ sơ, tài liệu phục vụ trực tiếp công tác cải cách thủ tục hành chính, chỉ đạo, điều hành và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trên địa bàn xã.

- Thực hiện chuẩn hóa dữ liệu, bảo đảm tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, cấu trúc dữ liệu theo hướng dẫn của Trung ương và tỉnh; khai thác, sử dụng các nền

tảng số, hệ thống thông tin dùng chung để bảo đảm khả năng kết nối, chia sẻ, liên thông dữ liệu trong toàn bộ hệ thống chính quyền.

- Tổ chức khai thác, sử dụng hiệu quả các hệ thống giám sát, điều hành, báo cáo số do cấp tỉnh triển khai; thực hiện cung cấp, cập nhật dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của xã vào các hệ thống thông tin dùng chung theo quy định, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp.

- Thực hiện nghiêm các quy định về quản lý, bảo vệ dữ liệu, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; bảo vệ dữ liệu cá nhân trong quá trình thu thập, xử lý, khai thác và chia sẻ dữ liệu số.

6. Chính quyền số

- Tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện các chủ trương, chương trình của Chính phủ, của tỉnh về phát triển Chính phủ số, Chính quyền số; thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Chương trình phát triển Chính phủ số giai đoạn 2025–2030 theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền, gắn với Kế hoạch Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06 của UBND xã Nam Đàn.

- Tăng cường xử lý công việc, hồ sơ trên môi trường điện tử; bảo đảm 100% cán bộ, công chức xã sử dụng thường xuyên, hiệu quả các nền tảng số, hệ thống thông tin dùng chung để thực hiện nhiệm vụ, trọng tâm gồm:

Hệ thống quản lý văn bản và điều hành;

Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính;

Chứng thư số, chữ ký số công vụ;

Cổng/Trang thông tin điện tử của xã;

Hệ thống họp, giao ban trực tuyến và các hệ thống thông tin chuyên ngành theo hướng dẫn của cấp trên.

- Thực hiện cập nhật, cung cấp đầy đủ, kịp thời các chỉ tiêu, số liệu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành trên các hệ thống thông tin, nền tảng báo cáo số do tỉnh triển khai; khai thác hiệu quả các công cụ hỗ trợ theo dõi, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ của UBND xã.

- Từng bước tiếp cận, khai thác các ứng dụng công nghệ mới do Trung ương, tỉnh triển khai (nếu có), như trợ lý AI, công cụ hỗ trợ tra cứu, xử lý thủ tục hành chính; không tự đầu tư, xây dựng các hệ thống vượt thẩm quyền.

- Tham gia các hoạt động đánh giá mức độ chuyển đổi số đối với UBND xã theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền; sử dụng kết quả đánh giá để đề ra giải pháp nâng cao hiệu quả chuyển đổi số tại địa phương.

7. Kinh tế số và xã hội số

7.1. Phát triển kinh tế số

- Tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn người dân, cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn xã thực hiện các giao dịch điện tử theo quy định của pháp luật; khuyến khích sử dụng hợp đồng điện tử, hóa đơn điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt.

- Lồng ghép các nhiệm vụ phát triển kinh tế số vào Kế hoạch chuyển đổi số hằng năm của UBND xã; khuyến khích ứng dụng công nghệ số trong các lĩnh vực có thế mạnh của địa phương như nông nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch.

- Phối hợp với các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh trong việc triển khai các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh, hộ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã tiếp cận, ứng dụng khoa học công nghệ.

- Tuyên truyền, hướng dẫn các hộ sản xuất, kinh doanh, hợp tác xã tham gia kinh doanh trên các sàn thương mại điện tử; quảng bá, tiêu thụ sản phẩm địa phương thông qua các nền tảng số.

7.2. Phát triển xã hội số

- Phối hợp triển khai thực hiện hiệu quả Đề án 06 của Chính phủ trên địa bàn xã; tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng định danh điện tử, tài khoản định danh điện tử để tiếp cận các dịch vụ công và tiện ích số.

- Triển khai các hoạt động xây dựng công dân số gắn với nâng cao nhận thức, hình thành văn hóa số; tuyên truyền, phổ biến và thực hiện Bộ Quy tắc ứng xử trên môi trường số.

- Tiếp tục triển khai hiệu quả chương trình “Bình dân học vụ số”; phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng trong việc trang bị kiến thức, kỹ năng số cơ bản cho người dân, nhất là người cao tuổi, người lao động nông thôn.

- Tuyên truyền, hướng dẫn người dân nâng cao kỹ năng bảo đảm an toàn khi tham gia môi trường số; bảo vệ thông tin cá nhân, sử dụng thiết bị và nền tảng số an toàn; nâng cao khả năng tự bảo vệ trước các rủi ro, lừa đảo trên không gian mạng.

8. Nâng cao nhận thức, tuyên truyền và các giải pháp khác đẩy mạnh Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về chuyển đổi số thông qua hệ thống thông tin cơ sở của xã như: truyền thanh, bảng tin, Trang thông tin điện tử, các nền tảng mạng xã hội phù hợp.

- Đa dạng hóa hình thức tuyên truyền bằng các nội dung dễ hiểu, dễ tiếp cận như: chuyên đề tuyên truyền, bản tin, tờ rơi, sổ tay hướng dẫn, các buổi sinh hoạt cộng đồng; lồng ghép tuyên truyền chuyển đổi số trong các cuộc họp thôn, hội nghị, sinh hoạt của các đoàn thể.

- Phát huy vai trò của đội ngũ cán bộ, công chức xã, Tổ công nghệ số cộng đồng, các tổ chức chính trị – xã hội trong việc tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người dân tham gia chuyển đổi số.

V. GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Phát huy, nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06 ở cấp xã

- Kiện toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số cấp xã; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên theo nguyên tắc “rõ nhiệm

vụ, rõ người chịu trách nhiệm, rõ tiến độ, rõ kết quả”, phù hợp với quy mô và điều kiện thực tế của xã.

- Người đứng đầu UBND xã phát huy vai trò gương mẫu, trực tiếp chỉ đạo và chịu trách nhiệm trong triển khai các nhiệm vụ Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06; khuyến khích cán bộ, công chức chủ động ứng dụng công nghệ số trong giải quyết công việc hằng ngày.

- Lòng ghép các nhiệm vụ Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06 vào chương trình công tác, kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội hằng năm của xã.

2. Đẩy mạnh truyền thông, nâng cao nhận thức và kỹ năng số cho cán bộ và người dân

- Tăng cường tuyên truyền về ý nghĩa, lợi ích của Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06, chính quyền số, xã hội số đến cán bộ, công chức và người dân thông qua các hình thức phù hợp với cấp xã như: hệ thống truyền thanh cơ sở, họp thôn/tổ dân phố, pa-nô, áp-phích, mạng xã hội (Zalo, Facebook của xã).

- Hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt, ứng dụng số thiết yếu phục vụ đời sống hằng ngày.

- Phối hợp với nhà trường, đoàn thể (Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ...) tổ chức các hoạt động phổ cập kỹ năng số cơ bản cho học sinh, đoàn viên, hội viên và người dân.

- Tăng cường tương tác giữa chính quyền xã với người dân thông qua các kênh trực tuyến (công/trang thông tin điện tử, mạng xã hội chính thống của xã).

3. Phát triển các mô hình phối hợp giữa chính quyền xã và doanh nghiệp

- Phối hợp với doanh nghiệp bưu chính công ích trong việc tiếp nhận, trả kết quả thủ tục hành chính; hỗ trợ người dân nộp hồ sơ trực tuyến thông qua mạng bưu chính công cộng.

- Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin triển khai các dịch vụ số tại địa bàn xã; hỗ trợ giới thiệu, kết nối cung cấp sản phẩm, dịch vụ số phục vụ người dân và hộ kinh doanh.

- Gắn cải cách thủ tục hành chính với ứng dụng công nghệ số ở cấp xã; rà soát, đơn giản hóa quy trình giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của xã để nâng cao hiệu quả phục vụ người dân.

- Tổ chức bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ, công chức xã, đặc biệt là cán bộ trực tiếp giải quyết thủ tục hành chính.

4. Ứng dụng hiệu quả các công nghệ số

- Tập trung ứng dụng các nền tảng, hệ thống dùng chung do cấp trên triển khai; khai thác hiệu quả các phần mềm quản lý văn bản, dịch vụ công trực tuyến, hệ thống thông tin báo cáo.

- Chủ động học tập, chia sẻ kinh nghiệm từ các địa phương đã triển khai hiệu quả phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06.

5. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực

- Sử dụng hiệu quả nguồn ngân sách được phân bổ; lồng ghép các nguồn kinh phí hợp pháp khác để triển khai các nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06 ở cấp xã.

- Khuyến khích sự tham gia, hỗ trợ của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong việc đầu tư hạ tầng số, trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ hoạt động của chính quyền và người dân.

- Tận dụng các chương trình, dự án hỗ trợ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số của cấp trên và các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ.

6. Tăng cường hợp tác, học tập kinh nghiệm

- Chủ động phối hợp với các cơ quan chuyên môn cấp trên để được hướng dẫn, đào tạo, bồi dưỡng về triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số cho cán bộ, công chức xã.

- Tham gia các lớp tập huấn, hội nghị, hội thảo do cấp trên tổ chức; học tập các mô hình hay, cách làm hiệu quả để áp dụng phù hợp tại địa phương.

- Khuyến khích tinh thần đổi mới sáng tạo trong đội ngũ cán bộ, công chức và cộng đồng dân cư, từng bước hình thành thói quen sử dụng công nghệ số trong quản lý và đời sống.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa-Xã hội

- Là đầu mối tham mưu cho UBND xã trong công tác tổ chức triển khai Kế hoạch Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06; theo dõi, đôn đốc các bộ phận chuyên môn thực hiện nhiệm vụ được phân công.

- Tham mưu xây dựng kế hoạch, chương trình công tác hằng năm của UBND xã; tổng hợp nhu cầu kinh phí, đề xuất lồng ghép các nguồn kinh phí hợp pháp theo quy định.

- Tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện của các bộ phận; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ (quý, 6 tháng, năm) hoặc đột xuất theo yêu cầu của UBND xã và cơ quan cấp trên.

- Tăng cường tuyên truyền nhằm tạo sự đồng thuận giữa chính quyền, doanh nghiệp và người dân trong thực hiện các nhiệm vụ Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06 của địa phương.

2. Phòng Kinh tế

- Tham mưu UBND xã triển khai các nội dung Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06 trong lĩnh vực kinh tế; khuyến khích hộ kinh doanh, hợp tác xã, doanh nghiệp trên địa bàn ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, kinh doanh.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan hỗ trợ người dân tiếp cận các nền tảng thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt và các dịch vụ số phục vụ phát triển kinh tế địa phương.

- Trên cơ sở nhiệm vụ được phê duyệt và dự toán hàng năm của địa phương xây dựng, căn cứ khả năng cân đối ngân sách và cơ cấu phân bổ kinh phí trong phạm vi dự toán chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên; tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn hiện hành, trong đó ưu tiên các nhiệm vụ, dự án trọng tâm, cấp bách.

3. Văn phòng HĐND-UBND

- Triển khai, duy trì sử dụng Hệ thống quản lý văn bản và điều hành; đôn đốc việc thực hiện xử lý văn bản điện tử.

- Triển khai hợp trực tuyến, ký số, xử lý hồ sơ công việc trên môi trường điện tử.

4. Trung tâm phục vụ hành chính công

- Đẩy mạnh tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tuyến.

- Hướng dẫn, hỗ trợ người dân, tổ chức sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến; nâng cao tỷ lệ hồ sơ giải quyết trên môi trường điện tử.

- Phối hợp với các bộ phận chuyên môn rà soát, đơn giản hóa quy trình, thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của UBND xã gắn với ứng dụng công nghệ số.

- Theo dõi, tổng hợp: Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến, Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC.

5. Công an xã

- Tổ chức khai thác, sử dụng hiệu quả Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; phối hợp xác thực, định danh điện tử phục vụ giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công.

- Tham gia bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; phòng ngừa, phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trên không gian mạng tại địa phương.

6. Đề nghị sự tham gia của MTTQVN xã và các tổ chức đoàn thể

- Tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06.

- Vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân: Sử dụng dịch vụ công trực tuyến; Thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt; Ứng dụng công nghệ số trong đời sống hằng ngày. Lòng ghép nội dung chuyển đổi số trong sinh hoạt chi hội.

- Hỗ trợ người dân tham gia phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

- Phối hợp hướng dẫn người dân: Đăng ký, sử dụng tài khoản định danh điện tử; Nộp hồ sơ trực tuyến, tra cứu kết quả giải quyết thủ tục hành chính. Hỗ trợ người cao tuổi, người yếu thế tiếp cận công nghệ số. Tham gia các Tổ công nghệ số cộng đồng tại xóm.

- Phối hợp xây dựng xã hội số, kinh tế số:

Vận động hội viên: Tham gia thương mại điện tử; Ứng dụng nền tảng số trong sản xuất, kinh doanh. Hỗ trợ quảng bá, tiêu thụ sản phẩm địa phương trên môi trường mạng. Phối hợp tổ chức tập huấn kỹ năng số cơ bản cho hội viên.

- Giám sát, phản biện xã hội trong Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06

- Tham gia giám sát: Việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến; Việc thực hiện cải cách hành chính, chuyển đổi số tại xã; Phản ánh kịp thời khó khăn, vướng mắc của người dân với chính quyền; Tham gia góp ý hoàn thiện cơ chế, chính sách chuyển đổi số tại địa phương.

Trên đây là kế hoạch Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và Đề án 06 xã Nam Đàn năm 2026, UBND xã yêu cầu các phòng ban, cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện nghiêm túc; nếu có khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo UBND xã qua phòng Văn hóa-Xã hội để xem xét, điều chỉnh.

Nơi nhận:

- Sở Khoa học & Công nghệ;
- TT Đảng ủy, HĐND xã;
- Chủ tịch, PCT (KT);
- UBMTTQ Việt Nam xã;
- Các phòng chuyên môn;
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu: VT, VHXH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Duy Phúc